

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành  
Đồ án: Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500  
Khu tái định cư 01 và 02 thuộc Khu đô thị - Du lịch - Văn hóa –  
Thể thao hồ Phú Hòa, thành phố Quy Nhơn**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ Quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán sử dụng vốn đầu tư công;*

*Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống biểu mẫu sử dụng trong công tác quyết toán;*

*Căn cứ Quyết định số 2930/QĐ-UBND ngày 21/8/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt nhiệm vụ thiết kế điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư 01 và 02 thuộc Khu đô thị - Du lịch - Văn hóa - Thể thao hồ Phú Hòa, thành phố Quy Nhơn;*

*Căn cứ Quyết định số 2711/QĐ-UBND ngày 07/7/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư thuộc Khu đô thị - Du lịch - Văn hóa - Thể thao hồ Phú Hòa, thành phố Quy Nhơn (Điểm tái định cư số 01);*

*Căn cứ Quyết định số 3102/QĐ-UBND ngày 31/7/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư thuộc Khu đô thị - Du lịch - Văn hóa - Thể thao hồ Phú Hòa, thành phố Quy Nhơn (Điểm tái định cư số 02);*

*Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 596/TTr-STC ngày 25/11/2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành**

1. Tên đồ án: Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư 01 và 02 thuộc Khu đô thị - Du lịch - Văn hóa - Thể thao hồ Phú Hòa, thành phố Quy Nhơn.

2. Chủ đầu tư: Ban QLDA Dân dụng và Công nghiệp.

## 3. Phạm vi, ranh giới và quy mô quy hoạch xây dựng:

a) Khu tái định cư 01: Phường Đồng Đa, thành phố Quy Nhơn, giới cận:

- Phía Đông giáp: Đất đồi núi;

- Phía Tây giáp: Đường Điện Biên Phủ quy hoạch nối dài từ đường Hùng Vương đến Quốc lộ 1D.

- Phía Nam giáp: Đất đồi núi;

- Phía Bắc giáp: Khu dân cư.

Quy mô diện tích quy hoạch: Khoảng 2,58ha.

b) Khu tái định cư 02: Phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn, giới cận:

- Phía Đông giáp: Ruộng lúa và hành lang an toàn tuyến điện 110KV;

- Phía Tây giáp: Quốc lộ 1D.

- Phía Nam giáp: Ruộng lúa;

- Phía Bắc giáp: Ruộng lúa.

Quy mô diện tích quy hoạch: Khoảng 2,60ha.

4. Thời gian thực hiện: Năm 2019 - 2020.

**Điều 2. Kết quả đầu tư****1. Chi phí đầu tư:***Đơn vị tính: đồng*

Số TT	Nội dung	Dự toán được duyệt	Giá trị theo CĐT đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được phê duyệt
1	2	3	4	5
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>463.092.000</b>	<b>431.582.000</b>	<b>431.582.000</b>
1	Chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch	38.313.000	38.313.000	38.313.000
2	Chi phí thiết kế quy hoạch	285.895.000	285.895.000	285.895.000
3	Chi phí thẩm định nhiệm vụ quy hoạch	6.966.000	6.966.000	6.966.000
4	Chi phí thẩm định đồ án quy hoạch	30.618.000	30.618.000	30.618.000
5	Chi phí quản lý nghiệp vụ quy hoạch	26.615.000		
6	Chi phí lấy ý kiến cộng đồng	5.198.000	2.484.000	2.484.000
7	Công bố quy hoạch	8.576.000	8.255.000	8.255.000
8	Chi phí cắm mốc giới ra thực địa	9.530.000	9.166.000	9.166.000
9	Chi phí khảo sát địa hình	49.371.000	47.439.000	47.439.000
10	Chi phí giám sát khảo sát địa hình	2.010.000		
11	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành		2.446.000	2.446.000
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>463.092.000</b>	<b>431.582.000</b>	<b>431.582.000</b>

**2. Nguồn vốn:***Đơn vị tính: đồng*

T T	Nội dung	Dự toán được duyệt	Thực hiện			
			Giá trị quyết toán được phê duyet	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân so với giá trị quyết toán được phê duyet	Số vốn phải thu hồi so với giá trị quyết toán được phê duyet
1	2	3	4	5	6=4-5	7=5-4
	<b>Tổng số</b>	<b>463.092.000</b>	<b>431.582.000</b>	<b>371.647.000</b>	<b>59.935.000</b>	
	<b>Vốn Ngân sách nhà nước</b>	<b>463.092.000</b>	<b>431.582.000</b>	<b>371.647.000</b>	<b>59.935.000</b>	
1	Đã thanh toán từ nguồn sự nghiệp kinh tế			371.647.000		
	- Năm 2019			85.752.000		
	- Năm 2020			285.895.000		
2	Số còn được thanh toán tiếp				59.935.000	
3	Số phải thu hồi nộp NSNN					

**3. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư: không.****4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản:**

4.1. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: không.

4.2. Chi phí không tạo nên tài sản: **431.582.000 đồng** (*Bằng chữ: Bốn trăm ba mươi một triệu, năm trăm tám mươi hai nghìn đồng*).**5. Vật tư thiết bị tồn đọng: không.****Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan:****1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:**

1.1. Được phép tắt toán chi phí và vốn đầu tư là:

*Đơn vị tính: đồng*

Số TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
	<b>Tổng số</b>	<b>431.582.000</b>	
<b>1</b>	<b>Vốn đã được thanh toán</b>	<b>371.647.000</b>	
	Vốn ngân sách nhà nước (Nguồn vốn chi sự nghiệp kinh tế)	<b>371.647.000</b>	
	- Năm 2019	85.752.000	
	- Năm 2020	285.895.000	

<b>II</b>	<b>Vốn chưa được thanh toán</b>	<b>59.935.000</b>	
<b>III</b>	<b>Vốn phải thu hồi nộp NSNN</b>		

1.2. Các khoản công nợ tính đến ngày lập báo cáo quyết toán là:

- Tổng nợ phải thu: 0 đồng;
- Tổng nợ phải trả: 59.935.000 đồng, trong đó:
  - + Chi phí thẩm định nhiệm vụ quy hoạch; chi phí thẩm định đồ án quy hoạch: 37.584.000 đồng;
  - + Chi phí lấy ý kiến cộng đồng; công bố quy hoạch; chi phí cắm mốc giới ra thực địa: 19.905.000 đồng;
  - + Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành: 2.446.000 đồng.

**2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản:** Được phép ghi tăng tài sản: không.

**Điều 4.** Căn cứ số liệu quyết toán được duyệt, các cơ quan liên quan cấp phát, thanh toán, hạch toán chi phí theo đúng quy định của Nhà nước.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Giám đốc Ban QLDA Dân dụng và Công nghiệp và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCT UBND tỉnh N.T.C.Hoàng;
- CVP, PVPKT;
- Lưu: VT, K14.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tự Công Hoàng**